

Trong khi làm nhiệm vụ trên, Viện Kiểm sát nhân dân có thể gặp những trường hợp cần chuyên đơn khiếu tố đến các cơ quan hữu quan để giải quyết. Cơ quan nhận được đơn có nhiệm vụ nghiên cứu, giải quyết theo đúng tinh thần của điều 29 của Hiến pháp và thông tư số 436-TTg ngày 13-9-1958 của Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn, cơ quan hữu quan phải báo cho Viện Kiểm sát nhân dân biết đã giải quyết đến đâu và khi giải quyết xong, phải báo cho Viện Kiểm sát nhân dân biết kết quả.

Trên đây là một số công việc của Viện Kiểm sát nhân dân có liên quan đến các cơ quan, tổ chức của Nhà nước, và trách nhiệm của các cơ quan và các tổ chức của Nhà nước đối với những công việc ấy.

Các cơ quan và các tổ chức của Nhà nước, các cán bộ, công nhân, viên chức phải gương mẫu trong việc nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Các cơ quan và các tổ chức của Nhà nước phải phối hợp chặt chẽ với Viện Kiểm sát nhân dân để kịp thời phát hiện mọi hiện tượng phạm pháp, nhanh chóng sửa chữa những sai sót đã xảy ra, tích cực ngăn ngừa những sai sót về sau, giữ vững pháp chế dân chủ nhân dân.

Những thời hạn quy định trên đây cho các cơ quan để giải quyết những yêu cầu của Viện Kiểm sát nhân dân là căn cứ vào kinh nghiệm một năm thực hiện quan hệ công tác giữa Viện Kiểm sát các cấp với các cơ quan, các ngành. Thời hạn 15 ngày và 30 ngày đều là những thời hạn tối đa, các cơ quan cần hết sức cố gắng giải quyết những yêu cầu của Viện Kiểm sát nhân dân càng sớm càng tốt. Gặp trường hợp đặc biệt cần có thời hạn dài hơn thì cơ quan hữu quan sẽ cùng Viện Kiểm sát nhân dân bàn bạc thỏa thuận.

Tiếp được thông tư này, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh cần phải nghiên cứu kỹ để thực hiện tốt trong cơ quan mình và chỉ thị cho các cơ quan và tổ chức thuộc quyền mình nghiêm chỉnh chấp hành.

Trong khi nghiên cứu thông tư này, cần tham khảo luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân (công báo năm 1960 số 32 trang 555) để hiểu rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Viện Kiểm sát nhân dân.

Hà-nội, ngày 1 tháng 2 năm 1963

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

CHỈ THỊ số 011-TTg về việc tăng cường công tác kế toán Nhà nước.

Điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước sau khi ban hành đã được các ngành các cấp phổ biến, tổ chức học tập trong cán bộ, công nhân viên và đã nghiên cứu thi hành. Kết quả thu được nói chung là tốt. Riêng một số Bộ đã thi hành tích cực và đã bước đầu chấn chỉnh bộ máy, ban hành một số chế độ cần thiết, tổ chức các đợt kiểm tra và đặc biệt có cuộc thi đua giữa các ngành (Bộ Công nghiệp nặng, Tổng cục Điện lực, Tổng cục Bưu điện và Cục Vận tải đường thủy) về việc làm báo biểu quý III năm 1962 cập nhật. Thủ tướng Chính phủ hoan nghênh những cố gắng bước đầu của các Bộ, các ngành đã chú trọng thi hành điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước đặc biệt biểu dương những cố gắng của cán bộ và nhân viên ngành kế toán tài vụ thuộc Bộ Công nghiệp nặng và Tổng cục Điện lực đã có nhiều cố gắng trong việc cải tiến công tác kế toán.

Tuy nhiên hiện nay tình hình tổ chức kế toán ở các ngành, đơn vị, địa phương vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại như: chúng từ sổ sách kế toán ở các ngành chưa theo mẫu mực và chế độ thống nhất, báo biểu kế toán chưa cập nhật, tính toán giá thành và phí lưu thông còn thiếu chính xác, có ngành chưa tổ chức kiểm tra kế toán thường xuyên, bộ máy kế toán chưa được chấn chỉnh, cán bộ kế toán chưa được tăng cường...

Để chấn chỉnh thêm một bước công tác kế toán, góp phần vào cuộc vận động nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, Tổng cục, các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ tiếp tục tiến hành các công tác sau đây:

1. Tiếp tục phổ biến sâu rộng điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước đến tận cơ sở; những nơi nào trước đây phổ biến chưa tốt thì cần phổ biến lại; những nơi đã phổ biến tốt rồi, thì cần kiểm tra việc thi hành, xem lại còn việc gì thuộc về kế toán mà chưa làm thì xúc tiến làm ngay.

2. Chấn chỉnh bộ máy kế toán từ trên xuống dưới, quy định nội dung công tác kế toán ở từng khâu (Bộ, cấp trung gian, đơn vị cơ sở), cử kế toán trưởng, bổ sung cán bộ..., đổi tên bộ máy cho đúng với quy định của điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước.

3. Căn cứ vào chế độ chung của Nhà nước mà Bộ Tài chính đã ban hành, các Bộ, Tổng cục nghiên cứu ban hành các thể lệ cần thiết để hướng dẫn cho ngành mình, thực hiện các

chế độ chung đã ban hành, chú ý theo dõi để kịp thời sửa đổi những điểm không thích hợp.

4. Kết hợp với cuộc vận động nâng cao ý thức trách nhiệm tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu mà đẩy mạnh việc kiểm tra kế toán nhằm chấn chỉnh lại công tác kế toán ở các cấp, tổ chức công tác kiểm tra kế toán ở các cấp theo đúng chế độ, bảo đảm các đơn vị kế toán ít nhất phải được kiểm tra kế toán mỗi năm một lần.

5. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Nội vụ và các ngành nghiên cứu gấp tiêu chuẩn chính trị, nghiệp vụ của cán bộ kế toán ở từng loại đơn vị trình Thủ tướng Chính phủ duyệt đề thi hành.

6. Bộ Tài chính cùng các ngành nghiên cứu, thống nhất chương trình, nội dung giảng dạy tiêu chuẩn học sinh ở các lớp kế toán sơ cấp, trung cấp, cao cấp. Các ngành cần nghiên cứu kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế toán cho năm 1963 và những năm tới gửi Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xét duyệt.

7. Đẩy mạnh công tác báo biểu kế toán, đảm bảo báo cáo kế toán từ nay trở đi phải chính xác, cập nhật theo đúng kỷ luật của Nhà nước.

Hà-nội, ngày 7 tháng 2 năm 1963

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

LIÊN BỘ

THÔNG TƯ LIÊN BỘ Ngân hàng Nhà nước Việt-nam và Bộ Công nghiệp nhẹ số 55-TT-LB-VP về việc cho vay xây dựng đồng muối mới.

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM và BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NHẸ

Kính gửi :

Các ông Trưởng chi nhánh Ngân hàng,
Các ông Chi Cục trưởng Chi Cục Muối các tỉnh miền biển có sản xuất muối.

Theo dự kiến bước đầu của kế hoạch Nhà nước thì đến năm 1965, sản lượng muối phải đạt được khoảng 240.000 tấn (bằng 218% sản

lượng muối năm 1960) mới có thể đảm bảo được yêu cầu tiêu dùng của nhân dân, của công nghiệp hóa chất và công nghiệp thực phẩm ngày càng tăng.

Muốn đạt được sản lượng muối kể trên, một mặt phải đẩy mạnh tăng năng suất trên các đồng muối cũ, mặt khác phải tích cực tăng diện tích đồng muối lên khoảng gấp đôi năm 1960. Vì vậy việc xây dựng đồng muối mới có tầm quan trọng đặc biệt hiện nay cũng như các năm sau này.

Để đảm bảo việc xây dựng đồng muối mới tiến hành được thuận lợi, nhanh chóng và đạt được kết quả tốt, liên Bộ Ngân hàng Nhà nước và Bộ Công nghiệp nhẹ đã thỏa thuận với nhau và ra thông tư liên Bộ quy định chủ trương, biện pháp và trách nhiệm của hai ngành trong việc xây dựng đồng muối mới theo tinh thần dưới đây :

1. Việc xây dựng đồng muối mới sẽ được tiến hành theo hai phương pháp : phơi cát và phơi nước. Phương pháp phơi cát là phương pháp cũ mà dân làm muối ta vẫn quen làm, tốn nhiều sức lao động, phẩm chất muối kém, giá thành cao, nhưng sản lượng muối trên diện tích lại cao hơn phơi nước. Phương pháp phơi nước là phương pháp mới đã thí nghiệm thành công ở một số nơi ; làm theo phương pháp này thì kỹ thuật phức tạp hơn, tốn ít sức lao động hơn, phẩm chất muối tốt hơn, (dùng cho công nghiệp) giá thành hạ hơn, năng suất lao động cao hơn, nhưng sản lượng muối trên diện tích lại thấp hơn phơi cát. Cho vay xây dựng đồng muối mới trước mắt là tập trung vốn vào giúp các hợp tác xã xây dựng theo phương pháp phơi cát là chủ yếu ; nhưng đồng thời cũng cho vay để xây dựng theo phương pháp phơi nước ở một số nơi có điều kiện (hiện nay các hợp tác xã làm theo phương pháp phơi nước chỉ tập trung ở Nghệ-an, Hà-lĩnh và Quảng-bình, sau này có thể sẽ mở rộng ra các nơi khác), được Cục Muối duyệt y bản thiết kế và Chi Cục Muối đảm bảo về mặt thi công và chỉ đạo kỹ thuật.

2. Đối tượng cho vay xây dựng đồng muối mới bao gồm :

— Cho vay mua vật liệu xây dựng và trả chi phí nhân công để khai phá ruộng cát, đào mương dẫn nước mặn và tiêu nước ngọt, xây dựng ô trung phát và ô kết tinh, xây dựng phương tiện lọc và chứa nước cái (chạt, thống, giếng, bể).

— Cho vay mua sắm phương tiện vận chuyển (xe cút-kít, xe hai bánh có ô bi) và phương tiện lấy nước mặn (guồng, máy bơm).